

19. Vận tải hành khách và hàng hoá tháng 9 và 9 tháng năm 2022

	Ước tính tháng 9 năm 2022	Ước tính 9 tháng năm 2022	Tháng 9 năm 2022 so với tháng 8 năm 2022 (%)	Tháng 9 năm 2022 so với tháng 9 năm 2021 (%)	9 tháng năm 2022 so với 9 tháng năm 2021 (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	1.301,69	7.493,91	102,46	2.778,42	136,67
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	1.301,69	7.493,91	102,46	2.778,42	136,67
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	163.868,00	942.161,88	102,47	2.779,22	136,92
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	163.868,00	942.161,88	102,47	2.779,22	136,92
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	326,99	2.527,49	100,89	188,69	127,77
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	326,99	2.527,49	100,89	188,69	127,77
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	22.317,99	171.570,29	100,84	188,57	127,83
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	22.317,99	171.570,29	100,84	188,57	127,83
Hàng không	-	-	-	-	-